

Bản án số: 346/2025/HS-ST

Ngày: 28/5/2025.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Luân**

Ông **Nguyễn Thái Hà**

Bà **Hồ Xuân Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thúy Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 223/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Bị cáo: **Đỗ Đình T**, sinh năm: 1984; Nơi ĐKKHKT: TDP2, phường P, quận H, TP.; Chỗ ở: Số B ngách D ngõ D, P, H - TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đỗ Đình H (đã chết) và con bà: Đỗ Thị H1 (đã chết); Có vợ: Vũ Hồng T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 500/2014/HS-ST ngày 25/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 08 năm tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo chấp hành án xong ngày 21/1/2020.

Bị cáo đầu thú ngày 04/12/2024; Tạm giữ ngày 5/12/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an T3; *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Lương Huy H2, Công Ty L2** - Đoàn luật sư T4, *(Có mặt)*.

Bị hại: Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1983, trú tại: Số F đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Đình T và anh Nguyễn Xuân C (Sinh năm: 1983, trú tại: Số F đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội) là bạn thân với nhau khi làm việc cùng tại Công ty TNHH S. Biết anh C đang sẵn tiền và có nhu cầu muốn mua nhà nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh C bằng việc đưa ra các thông tin gian dối về việc đặt cọc mua nhà để vay tiền, có nhà đất để bán cho anh C với giá rẻ để khiến anh C tin tưởng chuyển tiền cho T. Khoảng tháng 3/2024, T đưa ra thông tin gian dối về việc T cần đặt cọc mua thửa đất tại khu vực L, phường D, quận H, TP Hà Nội nên đề nghị anh C cho vay số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Tin tưởng việc T đặt cọc mua đất nên ngày 30/3/2024, anh C đã chuyển khoản từ tài khoản của anh C số 2200205768589 tại Ngân hàng A đến tài khoản số 22210004467543 mở tại Ngân hàng B của Đỗ Đình T. Nhận được tiền của anh C, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến tháng 6/2024, khi biết anh C đang có nhu cầu mua nhà, T tiếp tục giới thiệu với anh C về thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8, diện tích 78,8m² tại địa chỉ: số nhà A, ngõ E, TDP B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8) là thửa đất đứng tên ông Đỗ Đình H và bà Đỗ Thị H1 (hiện đã chết) - là bố mẹ của Đỗ Đình T. Mặc dù năm 2011, gia đình T đã bán thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị N (Sinh năm: 1978, trú tại: phường P, quận H, thành phố Hà Nội) nhưng T vẫn giới thiệu với anh C thửa đất là của gia đình T muốn bán, thỏa thuận giá 4.700.000.000 đồng. Khi anh C hỏi về giấy tờ đất thì Toán gửi hình ảnh bản photo hồ sơ kỹ thuật thửa đất trên gửi cho anh C, anh C đề nghị được đi xem nhà trước. Toán chọn thời điểm gia đình chị N đi vắng đã dẫn anh C đến địa chỉ: Số nhà A, ngõ E tổ dân phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội để xem nhà, anh C yêu cầu T mở cửa vào xem nhà thì T nói dối đang cho người em ở nhờ, T không giữ chìa khoá nên không đưa anh C vào xem nhà được, anh C tin tưởng đồng ý mua và bảo sẽ về chuẩn bị tiền mua nhà, đất của T. T đề nghị anh C đặt cọc trước số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) và hứa hẹn làm xong thủ tục sang tên giấy chứng nhận QSD đất thì anh C trả nốt

số tiền còn lại. Tin tưởng T nên ngày 12/6/2024, anh C giao cho T số tiền 1.590.000.000 đồng tiền mặt tại nhà số A ngách C, Tổ B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (nhà bà Đỗ Thị H1), cộng với số tiền 110.000.000 đồng mà anh C chuyển cho T ở trên là 1.700.000.000 đồng. Khi nhận tiền, T nói sẽ làm nhanh thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất mà C đã đặt cọc mua nên anh C tin tưởng không cần viết giấy tờ biên nhận. Toán hẹn anh C đến tháng 10/2024 sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho anh C. Sau khi nhận được số tiền trên, T đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Đến cuối tháng 7/2024, do cần thêm tiền chi tiêu cá nhân, T lại tiếp tục nói dối, hỏi thúc anh C đưa thêm cho T số tiền 100.000.000 triệu đồng để làm nhanh thủ tục giấy tờ sang tên GCNQSDĐ cho anh C, anh C tiếp tục đưa thêm cho Toán 100.000.000 đồng tiền mặt tại Công ty TNHH S (không viết giấy tờ biên nhận). Sau khi nhận được số tiền này, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng cuối tháng 9/2024, anh C liên hệ với T nhiều lần giục Toán làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 trên cho anh C, T tiếp tục lấy nhiều lý do khất lần. T đã sử dụng sim số điện thoại rác lập một tài khoản zalo đặt tên “Chú C1 phó CT quận” rồi tự nhắn tin đến tài khoản zalo “Linh Quân” của T (đăng ký bằng số điện thoại 0866771665 của Toán), tạo ra một đoạn nói chuyện về việc T đang nhờ người tên C1 là Phó Chủ tịch UBND quận H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T, nội dung: *Chú Chiến phó CT quận: “chú bảo vậy thì lên gặp c.Hả cho nhanh. Thứ 2 lấy sổ. Đây là nhanh nhất cho nhà cháu rồi. Chỗ chị L nhà cháu quen biết nên chú giúp cho thật nhanh”*; Linh Q: *“cám ơn thì hết bao nhiêu chú ơi”*; *Chú Chiến phó CT quận: “Tuỳ điều kiện gia đình tốt nhất cháu gọi chị gái đi cùng”*; Linh Q: *“vag cháu làm theo chu dan. Cam on xong đưng t2 ngày 7/10 ca 2 nha len cam sô ve”*; *Chú Chiến phó CT quận: “việc đó chắc chắn rồi”...*, sau đó chụp ảnh lại gửi cho anh C xem để anh C tin tưởng và không giục T nữa. Đến đầu tháng 10/2024, anh C thúc giục nhiều lần nên T lấy lý do hẹn anh C đến phòng một cửa của Ủy ban nhân dân quận H để ký nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên cho anh C. Anh C tưởng thật nên đã đi cùng mẹ đẻ là bà Phạm Thị C2 (Sinh năm: 1954; trú tại: Số F đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội) đến nhưng T nói dối anh C là “anh C1 - Phó chủ tịch đang đi họp” và khất hẹn anh C. Thời gian sau đó anh C tìm hiểu biết thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 trên không phải của Toán nên ngày 16/10/2024, anh C tìm gặp T và chị Vũ Hồng T1 (SN: 1986; trú tại: Tổ B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, là vợ T) để giải quyết. Toán cam kết đến cuối tháng

10/2024 sẽ khắc phục trả lại số tiền trên cho anh C và viết 01 “Giấy biên nhận đặt cọc mua nhà” đề ngày 12/6/2024 với nội dung: “*Tôi có nhận tiền đặt cọc mua nhà của anh Nguyễn Xuân C số tiền là 1.800.000.000đ. Tôi xin hẹn đến ngày 20/10/2024 tôi không giao nhà thì tôi phải hoàn trả số tiền 1.800.000.000đ mà anh Nguyễn Xuân C đã giao cho tôi...*”, T cùng chị T1 đã ký xác nhận. Quá hẹn theo cam kết, T không tiền trả cho anh C nên anh C đã có đơn tố giác Đỗ Đình T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 856 ngày 21/01/2025 của Phòng K Công an thành phố T3 kết luận: “*Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đỗ Đình T (dưới chữ ký) trên “Giấy biên nhận đặt cọc mua nhà” đề ngày 12/6/2024 với chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Đình T trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra*”.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Đình T, anh Nguyễn Xuân C và những người liên quan đã khai nhận nội dung như trên. Bị cáo T khai có các khoản nợ cá nhân nên cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, T không nhớ đã trả nợ cho ai vì không còn giấy tờ vay mượn, đến nay không có khả năng khắc phục trả tiền cho anh C.

Chị Vũ Hồng T1 vợ bị cáo ký trên Giấy biên nhận đặt cọc mua nhà đề ngày 12/6/2024, chị T1 không biết việc T nhận số tiền 1.800.000.000 đồng để bán nhà cho anh Nguyễn Xuân C. Đến ngày 16/10/2024 (sau ngày bị cáo T nhận tiền của anh C, anh C gọi chị T1 đến nói chuyện và yêu cầu chị T1 ký vào “*Giấy biên nhận tiền đặt cọc mua nhà*” đề ngày 12/6/2024 do T viết thì chị T1 mới biết. Do là vợ chồng nên chị T1 đã đồng ý ký để nhận nợ cùng T. Chị T1 không biết việc thỏa thuận giữa T với anh C, không được hưởng lợi gì từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về dân sự: Anh Nguyễn Xuân C yêu cầu Đỗ Đình T bồi thường số tiền 1.800.000.000 đồng đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý Toán theo đúng quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 209/CT-VKS-P3 ngày 14/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Đình T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Bị cáo khai sau khi bị cáo nhận tiền của anh C bị cáo đã chi tiêu cá nhân đến nay chưa toán được.

Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Xuân C yêu cầu bị cáo trả anh số tiền 1.800.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Đỗ Đình T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hình phạt: Phạt bị cáo Đỗ Đình T từ 14 năm tù đến 15 năm tù,

Về dân sự: Buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại Nguyễn Văn C3 số tiền là 1.800.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T3, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, Đỗ Đình T đã đưa ra thông tin gian dối vay anh T 110.000.000đ để đặt cọc mua nhà đất và Toán đang sở hữu thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 diện tích 78,8m² tại địa chỉ số A, ngõ E, tổ dân phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội cần bán với giá rẻ để khiến anh Nguyễn Xuân C tin tưởng và chuyển tiền cho T số tiền 1.690.000.000đ, tổng cộng Toán nhận của anh

C 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền của anh C, T đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, đến nay không có khả năng khắc phục.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn (đến nay chưa khắc phục). Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, VKSND.TP Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là tạo lòng tin đối với bị hại, đưa ra thông tin không đúng sự thật bị cáo mua đất, bị có có đất bán chuyển nhượng để bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo, để chiếm đoạt của bị hại số tiền 1.800.000.000 đồng đến nay không có khả năng trả, vì vậy cần phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án (phạm tội đặc biệt nghiêm trọng) chưa được xóa án được xóa lại phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội ra đầu thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn vì vậy áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Xuân C số tiền 1.800.000.000 đồng đến nay chưa trả, bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả bị hại số tiền trên theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Vật chứng: Quá trình phạm tội bị cáo dùng điện thoại Iphone của bị cáo để liên lạc với bị hại, đây là công cụ phạm tội còn giá trị nên tịch thu sung quỹ Nhà

nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[2].Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đình T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Phạt: Bị cáo Đỗ Đình T 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đầu thứ 04/12/2024.

[3].Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Đỗ Đình T có nghĩa vụ hoàn trả anh Nguyễn Xuân C số tiền 1.800.000.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone

(Vật chứng đã được bàn giao cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên bản bàn giao ngày 18/4/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an T3 và Cục thi hành án dân sự TP. Hà Nội).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 66.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P3);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Thủy

